

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2026/DS-PT

Ngày 28-5-2026

V/v: Tranh chấp về việc thực hiện nghĩa
vụ thông qua người thứ ba

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- **Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Chí Thiện

Các Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Toàn

Bà Nguyễn Thị Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Khánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2026/TLPT-DS ngày 05/5/2026 về “Tranh chấp về việc thực hiện nghĩa vụ thông qua người thứ ba”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2026/DS-ST ngày 27/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2026/QĐ-PT ngày 14/5/2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Đào Thị Kim A; Sinh năm 1987, số CCCD 010187000771, ngày 13/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH, Bộ C.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Lào Cai; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Đỗ Trung H; Sinh năm 1986, số CCCD 010086003310, ngày 11/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH, Bộ C.

Địa chỉ: Thôn H, xã G, tỉnh Lào Cai; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Hà Tiến D; Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà B, đường P, tổ A B, phường C, tỉnh Lào Cai; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. **Người làm chứng:**

- Ông Lê Văn T; Sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường S, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt.

- Ông Dương Xuân Đ; Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn E, xã T, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt.

- Ông Vũ Tiến T1; Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn T, xã G, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đỗ Trung H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đào Thị Kim A trình bày:*

Do quen biết và để hỗ trợ ông Đỗ Trung H kinh doanh bất động sản, ngày 20/7/2024, bà Đào Thị Kim A đã cho ông H vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần 1 (17h15): Vay 490.000.000 đồng, lập Giấy nhận nợ, hạn trả ngày 20/7/2024.

Lần 2 (18h20): Vay 600.000.000 đồng, lập Giấy nhận nợ, hạn trả ngày 20/7/2024.

Tổng cộng nợ gốc: 1.090.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm chín mươi triệu đồng*).

Hình thức giao tiền: Bà Kim A khẳng định đã giao đủ tiền mặt cho ông H tại nơi ông H làm việc Công an huyện B (cũ), việc đưa tiền mặt là theo yêu cầu của ông H để tiện thanh toán mua đất và tránh chuyển khoản vì lý do công việc. Theo Bà Kim A, Giấy nhận nợ 01 có ghi “*Đã giúp ông H trả nợ cho bên chuyển nhượng*” Giấy nhận nợ 02 có ghi “*Giúp đỡ ông H trả giúp ông H tiền mua đất tại Ô, S, Lào Cai*”. 02 Giấy nhận nợ này là bằng chứng cho việc ông H đã nhận đủ tiền. Cụm từ ghi trong 02 Giấy nhận nợ thực chất là mục đích của khoản vay. Bà Kim A đưa tiền cho ông H để ông H tự thanh toán cho chủ đất, chứ không phải bà Kim A chuyển khoản trực tiếp cho các chủ đất. Vì vậy, việc ông H cho rằng bà Kim A chưa chuyển tiền cho chủ đất để phủ nhận khoản nợ trên là không có căn cứ.

Bà Kim A khẳng định việc lập Giấy nhận nợ là hoàn toàn tự nguyện, do chính tay ông H viết và ký nhận, khi đến hạn trả nợ, ông H không trả, dù bà đã nhiều lần đôn đốc và tố cáo đến cơ quan Công an, bà cho rằng ông H đang lật lọng nhằm chiếm đoạt tài sản.

Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai:

- Yêu cầu ban đầu buộc ông H phải trả 1.090.000.000 đồng (tiền gốc) và 228.900.000 đồng (tiền lãi) Cộng 02 khan là 1.318.900.000 đồng.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà Kim A tự nguyện rút yêu cầu về tiền lãi.

- Như vậy bà Kim A yêu cầu buộc ông Đỗ Trung H trả số tiền gốc là 1.090.000.000 đồng theo 02 Giấy nhận nợ ngày 20/7/2024.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Đỗ Trung H và người đại diện theo uỷ quyền của ông H là ông Hà Tiến D cùng trình bày:*

Về giao dịch mua bán đất tại S:

Tháng 6/2024, bà Kim A môi giới cho ông H cùng hai người bạn (ông T1, ông Đ) mua 02 thửa đất tại Ô, S của ông Lê Văn T.

Ban đầu, ông H và bà Kim A thống nhất báo giá chênh lên 4.800.000.000 đồng (giá gốc 3.600.000.000 đồng) để hưởng lợi từ phần vốn góp của ông T1 và ông Đ. Tuy nhiên, sau đó ông H đã thú nhận sự thật với các bạn và đàm phán giảm giá thực tế xuống còn 2.800.000.000 đồng (đã thanh toán đủ cho chủ đất qua tài khoản cá nhân ông H).

Bà Kim A chỉ hỗ trợ pháp lý, không trực tiếp giao dịch và không cho ông H vay bất kỳ khoản tiền nào để trả cho chủ đất.

Về nguồn gốc của 02 Giấy nhận nợ ngày 20/7/2024:

Ông H khẳng định việc lập Giấy nhận nợ là giả tạo, không có việc vay mượn hay giao nhận tiền thực tế, cụ thể: Do việc “kênh giá” bị bại lộ khiến bà Kim A mất khoản lợi nhuận như dự kiến. Bà đã gây áp lực, đe dọa làm mất uy tín và công việc của ông H tại cơ quan Công an, buộc ông phải viết Giấy nhận nợ để “chia phần” lợi nhuận ảo;

- Khoản tiền 490.000.000 đồng: Bà Kim A yêu cầu tính vào chi phí hỗ trợ mua đất nhưng thực tế không chi trả khoản nào.

- Khoản tiền 600.000.000 đồng: Là một nửa số tiền chênh lệch dự kiến (1.200.000.000 đồng) từ việc “kênh giá” ban đầu nhưng không thành công.

Quan điểm và yêu cầu của Bị đơn ông Đỗ Trung H:

- Nội dung ghi trong Giấy nhận nợ 01 có ghi “*Đã giúp ông H trả nợ cho bên chuyển nhượng*” trong Giấy nhận nợ 02 có ghi “*Giúp đỡ ông H trả giúp ông H tiền mua đất tại Ô, S, Lào Cai*” là hoàn toàn sai sự thật vì bà Kim A không hề chuyển tiền cho bên bán đất.

- Bà Kim A không cung cấp được tài liệu chứng minh nguồn tiền hoặc bằng chứng giao nhận tiền thực tế, đồng thời Phòng C1 công an tỉnh L đã kết luận không có căn cứ cho thấy bà Kim A cho ông H vay tiền.

Căn cứ nghĩa vụ chứng minh theo Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông H đề nghị Tòa án xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim A do không tồn tại quan hệ vay nợ thực tế.

** Quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn cung cấp 02 giấy nhận nợ:*

- Nội dung giấy nhận nợ 1: “*Tôi là Đỗ Trung H, địa chỉ... Do việc mua đất, thiếu số tiền hoàn tất hồ sơ chuyển nhượng, bà Đào Thị Kim A, địa chỉ... đã giúp*

ông Đỗ Trung H trả cho bên chuyển nhượng số tiền 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu đồng).

Như vậy ông Đỗ Trung H nợ bà Đào Thị Kim A 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu đồng).

- Nội dung Giấy nhận nợ 2: “Tôi là Đỗ Trung H, địa chỉ... nhận nợ của bà Đào Thị Kim A, địa chỉ.. số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Số tiền này do bà Đào Thị Kim A giúp đỡ ông H, trả giúp ông H tiền mua đất tại Ô, S, Lào Cai”.

* Theo Thông báo số 542/TB-CSHS - Đ2 ngày 07/05/2025 của Phòng C1 Công an tỉnh L có nội dung: Đối với nội dung tố cáo đồng chí Đỗ Trung H có hành vi cố tình không trả nợ cho bà Đào Thị Kim A số tiền 1.090.000.000 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi triệu đồng)...là thỏa thuận dân sự; Mặt khác bà Đào Thị Kim A không đưa ra được căn cứ nào chứng minh có nội dung cho đồng chí Đỗ Trung H vay tiền, do đó không có căn cứ giải quyết.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2026/DS-ST ngày 27/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 229; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280; Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Kim A.

1. Buộc ông Đỗ Trung H trả cho bà Đào Thị Kim A số tiền gốc đã vay tổng cộng là 1.090.000.000 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi triệu đồng) theo 02 giấy nhận nợ.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim A đối với phần yêu cầu ông Đỗ Trung H phải trả số tiền lãi là 228.900.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm trả thi hành án, án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Ngày 08/04/2026, ông Đỗ Trung H kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm. Đề nghị sửa Bản án số 05/2026/DS-ST ngày 27/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai, theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Kim A.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Các đương sự, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của các đương sự từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục: Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định nên cần được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm số 05/2026/DS-ST ngày 27/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim A về việc yêu cầu ông Đỗ Trung H trả số tiền 1.090.000.000 đồng;

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn đúng hình thức, trong hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo ông Đỗ Trung H, người đại diện theo uỷ quyền của người kháng cáo là ông Hà Tiên D, người khởi kiện bà Đào Thị Kim A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét tiên hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về tính pháp lý của 02 giấy nhận nợ:

Bà Kim A và ông H đều thừa nhận 02 giấy nhận nợ do ông H viết, ông H cho rằng bản thân bị bà Kim A đe dọa nên mới viết 02 giấy nhận nợ, nhưng ông H không chứng minh được. Do đó đủ căn cứ xác định 02 giấy nhận nợ là thỏa thuận dân sự tự nguyện giữa bà Đào Thị Kim A và ông Đỗ Trung H, có giá trị pháp lý đối với các bên.

[2.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tòa sơ thẩm nhận định: Đây là “Hợp đồng vay tài sản” (theo Điều 463 của Bộ luật Dân sự).

Xét thấy bản chất của hợp đồng vay tài sản là nguyên đơn phải giao tài sản cho bị đơn nhưng không có chứng cứ chứng minh việc nguyên đơn đã giao tiền cho bị đơn.

Thực tế cả 02 Giấy nhận nợ đều ghi bà Kim A “Giúp ông H trả cho bên chuyển nhượng” hoặc “trả giúp ông H tiền mua đất”.

Do đó đây không phải là quan hệ “Vay tài sản”.

Đây là quan hệ “Thực hiện nghĩa vụ thông qua người thứ ba” (theo Điều 283 của Bộ luật Dân sự).

[2.3] Xét kháng cáo của bị đơn:

Vì Tòa sơ thẩm mặc định đây là “Hợp đồng vay tài sản” dựa trên chữ “nợ” nên Tòa sơ thẩm không xem xét đến việc bà Kim A có thực hiện hành vi “trả giúp” đó hay không.

Giấy nhận nợ 1 ghi: Bà Kim A “đã giúp... trả cho bên chuyển nhượng”.

Giấy nhận nợ 2 ghi: “Số tiền này do bà Kim A giúp đỡ ông H trả giúp tiền mua đất”, nhưng thực tế bà Kim A không chuyển tiền cho bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nên hành vi “giúp đỡ” này chưa xảy ra dẫn đến khoản “nợ” phát sinh từ hành vi đó không tồn tại.

Bà Kim A giải thích rằng thực tế là giao tiền mặt cho ông H vay để ông H tự đi trả tiền đất, xét thấy lời giải thích này hoàn toàn mâu thuẫn với nội dung khách quan của 02 giấy nhận nợ do chính bà Kim A cung cấp. Thực tế khi xác lập giao dịch các bên không ghi rõ là “vay tiền” và không lập “Biên bản giao nhận tiền mặt” để chứng minh việc chuyển giao tài sản mà lại ghi nhận việc bà A giúp ông H trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người thứ ba. Bà Kim A là người có năng lực hành vi dân sự, có đầy đủ nhận thức pháp luật, nhưng lại chấp nhận để ông H viết nội dung là “trả giúp cho bên thứ ba”, một hành vi mà bà Kim A biết rõ là mình không thực hiện. Điều này cho thấy lời khai của nguyên đơn thiếu tính logic, nhằm mục đích hợp thức hóa từ việc “trả nợ hộ” thành quan hệ hợp đồng vay tài sản không có thực, để không phải chứng minh việc bà Kim A đã trả nợ giúp ông H theo thỏa thuận giữa các bên trong giấy nhận nợ, mà chỉ căn cứ vào chữ “nợ” và ông H đã ký tên để mặc nhiên ông H có nghĩa vụ trả tiền cho bà Kim A.

Đối với những người làm chứng:

* Đối với anh Lê Văn T (Người bán đất) xác nhận bà Kim A không chuyển cho anh bất kỳ khoản tiền nào nói là trả hộ ông H, còn việc bà Kim A và ông H nợ tiền nhau, giao tiền cho nhau như thế nào anh không được biết (BL 103).

* Đối với anh Dương Xuân Đ, anh Vũ Tiến T1 đều xác nhận không biết gì về việc bà Kim A và ông H nợ tiền nhau, giao tiền cho nhau như thế nào anh không được biết (BL 109, 111).

Theo Thông báo số 542/TB-CSHS - Đ2 ngày 07/05/2025 của Phòng C1 Công an tỉnh L về nội dung bà Kim A không chứng minh được việc cho ông H

vay tiền. Đây là kết luận của cơ quan chuyên môn qua quá trình điều tra, xác minh, có giá trị chứng minh cao nhưng đã bị Tòa án cấp sơ thẩm bỏ qua.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Kim A là không có căn cứ pháp lý và thực tiễn. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, xác định sai quan hệ tranh chấp và bỏ qua nghĩa vụ chứng minh của nguyên đơn. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn ông Đỗ Trung H không phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Đào Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Trung H; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2026/DS-ST ngày 27/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai, như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 283 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Kim A, về việc: Buộc ông Đỗ Trung H phải trả cho bà Đào Thị Kim A số tiền gốc đã vay tổng cộng là 1.090.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm chín mươi triệu đồng*) theo 02 giấy nhận nợ đề ngày 20/7/2024. Trong đó theo Giấy nhận nợ 01 đề hồi 17 giờ 15 phút ngày 20/7/2024 là 490.000.000 đồng (*Bốn trăm chín mươi triệu đồng*) theo Giấy nhận nợ 02 đề hồi 18 giờ 20 phút ngày 20/7/2024 là 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*).

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Đỗ Trung H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

- Nguyên đơn bà Đào Thị Kim A phải chịu 44.700.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.783.500 đồng (*Hai mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001616 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai, bà Đào Thị Kim A còn phải nộp 18.916.500 đồng (*Mười tám triệu, chín trăm mười sáu nghìn, năm trăm đồng*).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đỗ Trung H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho ông Đỗ Trung H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0001363 ngày 09/04/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa PT - TANDTC tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai
- TAND khu vực 6 - Lào Cai;
- Phòng THADS KV 6 - Lào Cai;
- Các đương sự (đại diện);
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Chí Thiện